

## **Tàu dạy dân Việt lễ nghĩa và cày cấy??(!)** **(Trích trong cuộc thảo luận về văn hóa của TỬ SÁCH VIỆT THƯỜNG)**

**T16:** Tôi có vài điều chưa thông, xin các anh giúp đỡ. Hậu Hán Thư cho rằng người Việt không có phép cưới hỏi ... không quen thói sống chung với nhau nên không biết tình cha con, không biết đạo vợ chồng, nên nhâm diên dạy dân Việt cưới hỏi theo lễ giáo.

Cũng theo Hậu Hán Thư Nhâm Diên truyền đức các thứ điền khí dạy cho dân khẩn ruộng. Dựa vào câu nói trên, các nhà viết sử Việt Nam ngày xưa cho rằng Nhân Diên dạy cho dân Việt lễ nghĩa, cách cày bừa, gieo mạ cấy lúa, ... sự thật như thế nào?

**T3:** Tại sao đến giờ phút này mà còn một vài anh em trong Tử Sách Việt Thường thắc mắc: có phải Nhân Diên – Tích Quang đã dạy dân Việt lễ nghĩa (!) và trồng lúa (!)? Theo tôi chỉ cần đọc lại lịch sử từ An Dương Vương đến Hai Bà Trưng thì tự mình thấy sự thật của vấn đề.

Nếu cần, đọc thêm vài tài liệu của người nước ngoài về việc này:

- Edward H.Schafer, Ancient China, New York: Time-life books, 1967.
- Chales O.Huckler, China's Imperial Past Standford University Puss, 1975.
- Wilhem G.Solheim II – New light on a forgotten Past, National Geographic, March 1971, vol.139, no.3, trang 330-339.
- Stephen oprenheimer Eden in the East: the Drowned Continent of Southeuot Asia, Phoenix, London, 1998.
- 

Như thế quá đủ để giải quyết thắc mắc của anh T16.

Đối với anh em trong Tử Sách Việt Thường vấn đề này không cần thiết lắm.

Vấn đề cấp thiết là người Việt Nam chúng ta ngày nay phải làm gì để đem lại “com no áo ấm”, và tự do dân chủ thật sự cho dân tộc để xứng đáng với niềm tự hào là con Rồng cháu Tiên. Ai cũng biết bất cứ chương trình, kế hoạch dù hay, khoa học đến đâu mà không có “người tốt” thực hiện thì hoàn toàn thất bại.

Cho nên, vấn đề quan trọng hiện nay là mọi người phải tự thay đổi chính mình trở người chuyên viên thiện lành. Không ai làm thay cho mình việc này được.

Thay đổi chính mình đồng nghĩa với tự ý thức thực hiện cuộc chuyển hóa tâm thức mà khởi điểm là trở về với chính mình (*trăm hay xoay vào long*) tự biết mình, với chiều kích tâm linh phát triển tình thương “hồn nhiên trong sáng” và trí tuệ.

**Với chuyên môn của mình, tình thương dưới ánh sáng của trí tuệ sẽ giúp mình biết làm gì cho chúng mình, cho gia đình, cho tha nhân, cho dân tộc trong hiện tình đất nước và cho nhân loại trong xu thế toàn cầu hóa.**

**T12:** Tôi không đồng ý quan điểm của anh T3. Cần phải giải tỏa thắc mắc của anh em, dù vấn đề không cần thiết lắm, không cần thiết lắm nghĩa là cũng cần.

Vấn đề này thuộc chuyên môn của anh T19. Anh T19 phát biểu ngắn gọn là đủ đánh tan những thắc mắc của anh em. Không mất nhiều thời giờ đâu.

**T19:** Dựa vào những khai quật trong thập niên 60, các nhà khảo cổ đã khám phá ra rằng Hòa Đình (Bắc Việt Nam) mới chính là cái nôi của văn minh Đông Nam Á.

Nền văn minh này lan lên miền Bắc để ra nền văn minh Long Sơn và Ngưỡng Triều (Trung Hoa), đồng thời lan đến Thái Lan, tràn xuống miền Nam bao gồm Mã Lai, Nam Dương, Úc...

Theo tiên sĩ Solheim II, giáo sư nhân chủng học thuộc đại học Hawaii: Cả hai nền văn hóa Long Sơn và Ngưỡng Triều (Trung Hoa) và hạt lúa tìm được ở Non Nok Tha (Bắc Thái Lan) có ít nhất là năm 3500 TTL.

Như vậy, hạt lúa này đã có 1000 năm sớm hơn hạt lúa khai quật được ở Ấn Độ, Trung Quốc là nơi mà một số nhà khảo cổ cho rằng lúa đã được thuần hóa đầu tiên trên trái đất (Wiheim G. Solheim II Ph.D, New Light on a Forgotten Past, National Geographic March 1971, trang 330-339). **Cụm từ Văn Hóa Hòa Bình được quốc tế công nhận vào ngày 30/1/1932 do đại hội các nhà Tiền Sử Viễn Đông tại Hà Nội thông qua.**

Cư dân Hòa Bình (Bắc Việt Nam) đã thực hiện thành công cuộc cách mạng nông nghiệp trồng lúa nước cách ngày nay 6000 – 7000 năm. Nghĩa là thuần hóa cây lúa hoang thành cây lúa trồng trong ruộng nước.

Kỹ thuật trồng lúa nước càng ngày càng phát triển theo thời gian trải qua các nền văn hóa Bắc Sơn, Phùng Nguyên (thời các vua Hùng dựng nước) văn hóa Đông Sơn với lưỡi cày bằng đồng. Theo tài liệu mới được phát hiện, tại Mê Linh (Vĩnh Phúc, Phú Thọ ngày nay) quận Giao Chỉ (Châu Thổ sông Hồng Hà) người ta tìm thấy những bộ xương trâu đã có mặt tại đây khoảng 2000 năm trước công nguyên, và hai lưỡi cày bằng đồng, theo mô thức Đông Sơn (thế kỷ thứ 5 TCN) dùng cho trâu cày.

**Như thế dân Việt đã biết làm ruộng và đã biết sử dụng điện khí trước khi Trung Hoa xâm lăng Việt Nam. Lúc đó dân Việt (Lạc Việt – Âu Việt) đã dùng lưỡi cày bằng đồng vì đồ đồng là nghề luyện kim chính của dân Lạc Việt, vốn nổi tiếng về trồng đồng (Trần Gia Phụng, Việt Sử Đại Cương Tập I, NXB Non Nước Toronto, 2004, trang 29)**

Mặt khác, theo Edward H. Schafer thì “thuật trồng lúa gạo và thuần hóa gia súc chắc chắn (Trung Hoa) đã tiếp thu từ các sắc dân tâm thường ở miền Nam xa xôi hẻo lánh (Ancient China, New York: Time – Life Book, 1967, trang 16)

Như thế, Nhâm Diên không thể là người khai tâm dân Việt dùng điện khí để cày cấy như Hậu Hán Thư đã viết.

**Phải chăng ông ta báo cáo “láo”, không đúng sự thật để lập công với triều đình?**

**T6:** Thật ra, không cần phải đọc cổ sử Việt hay tài liệu khảo cổ, chỉ cần “còn chút xíu” tâm Việt, hồn Việt, đầu óc không bị nô lệ hóa văn hóa Tàu, không mất gốc, chịu khó động não một chút thì thấy sự thật ngay.

Người Trung Hoa xưa ở vùng đồng bằng sông Hoàng Hà trồng lúa mì, và lúa mạch trên ruộng khô, làm sao biết, làm sao giỏi kỹ thuật trồng lúa nước (cày bừa, nhổ mạ, cấy lúa, cho nước vào ruộng, tháo nước ra cho khô úng v.v...) mà dạy người Việt.

Xin anh T4 tiếp một tay về việc Tích Quang – Nhân Diên dạy dân Việt lễ nghĩa.

**T4:** Sau khi cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng thất bại, Mã Viện tâu với vua Hán là luật Việt và luật Hán khác nhau tới hơn mười điều và xin áp dụng luật Hán trên đất Việt.

Dựa vào câu này, người Việt Nam, nếu không mất trí cũng thấy được rằng Tích Quang và Nhân Diên không thể là những người dạy cho dân Việt lễ nghĩa, lễ nghi cưới hỏi theo lễ giáo.

Họ là những người tìm mọi thủ đoạn xóa bỏ luật Việt và những phong tục tập quán, truyền thống Việt để áp đặt lễ nghĩa Tàu và luật Tàu vào nếp sống Việt.

Xin áp dụng luật Hán trên đất Việt, bãi bỏ luật cổ hữu của người Việt trong âm mưu của bọn thống trị phương Bắc muốn biến đất nước Việt trở thành quận huyện của Tàu và đồng hóa người Việt trở thành người Hán như người Bách Việt bị đồng hóa ở Quảng Tây, Quang Đông.

Sở dĩ, họ không đồng hóa được người Việt như nhóm Bách Việt ở miền Nam Trung Quốc là nhờ truyền thống đặc thù của nếp sống chan chứa tính người và tình người, dựa trên nền tảng của xã thôn tự trị. Nó đã hạn chế phạm vi thống trị của kẻ xâm lăng khiến cho chính sách thống trị của kẻ địch rút cuộc vẫn chỉ là chỉ nhếch ách ràng buộc lỏng lẻo.

Nhiều miền đất nước ta nằm ngoài phạm vi thống trị của phong kiến phương Bắc.

Công việc “giáo hóa” của hai thái thú Tích Quang và Nhân Diên, nhất là việc áp dụng tục lệ cưới hỏi theo lễ nghi trung hoa bị người Việt chống đối.

Một tờ trình của Tiết Tống (Hsueh Tsung) vào năm 231 gửi cho triều đình Đông Ngô thời Tam Quốc (231-280) cho rằng cho đến khi ông đến Giao Chỉ dưới thời Sĩ Nhiếp (thái thú 187-226) tức sau mấy trăm năm đô hộ, ảnh hưởng văn hóa Trung Hoa không đúng theo như các báo cáo trước đó, và người Giao Chỉ và Cửu Chân vẫn còn giữ tục lệ gia đình của họ (Trần Gia Phụng, Sđd, trang 78).

Tờ trình của Tiết Tống cho thấy sau mấy trăm năm dùng đủ mọi thủ đoạn, các thái thú Tàu cũng không xóa bỏ được tục lệ gia đình của người dân Việt.

Điều này cũng cho thấy Nhân Diên cho rằng dân Lạc Việt không có phép cưới hỏi, mọi người ưa dâm dật, không có thói quen sống chung với nhau, nên không biết tình cha con, không biết đạo vợ chồng là báo cáo láo, không đúng sự thật.

Sự thật lịch sử cho thấy sau hơn một ngàn năm Tàu tìm đủ mọi cách đồng hóa dân Việt và hơn 10 thế kỷ độc lập (939...) đa số những người học chữ Hán (tôn sùng Khổng Tử, thấm nhuần văn hóa Trung Quốc) muốn áp đặt lễ giáo Khổng Mạnh vào nếp sống Việt, nhưng hoàn toàn thất bại.

- Người Việt nói chuyện với cha mẹ không Nị - Ngộ.
- Gặp nhau không hỏi ăn cơm chưa? Mà chào nhau: mạnh khỏe không?
- Không có thói quen đổi con đê ăn thịt khi có nạn đói.

Văn minh Việt Nam là văn minh tình thương (văn minh nhân bản), không phải là văn minh ăn thịt người. Cần biết thêm chi tiết về hiện tượng ăn thịt người suốt chiều dài của lịch sử Trung Quốc (xin đọc “cuộc xâm lăng không tiếng súng” Tủ Sách Việt Thường năm 2005, trang 227-237)

- Phụ nữ không bó chân làm nô lệ, làm đồ chơi cho đàn ông.
- Người con gái có chồng vẫn giữ tên họ của gia đình mình.
- Người dân nông thôn vẫn giữ nếp sống Việt từ ăn mặc ở đến sinh hoạt vật chất cũng như tinh thần.
- Không trọng nam khinh nữ, không phân biệt quân tử với tiểu nhân.
- Không quan niệm trai gái phải cách biệt “nam nữ thọ thọ bất thân”, trai gái tự do gặp nhau ở bờ ao, bến nước, trong những ngày hội hè đình đám, ưng ý nhau thì lấy nhau.
- Cưới xin giản dị, tiếp đãi khách khứa nông hậu. Sau lễ cưới cô dâu trở lại làng quê cha mẹ đẻ, sau vài mùa cau, mùa lúa mời về ở hẳn bên chồng (Lịch sử Việt Nam, tập I, Ủy Ban Khoa Học Xã Hội Việt Nam, NXB Khoa Học Xã Hội Hà Nội, năm 1971, trang 59-60)
- Người Việt vẫn nói tiếng Việt, vẫn dùng tiếng nói riêng của mình và tiếng nói đó tồn tại mãi cho đến ngày nay.

Ngành khảo cổ minh chứng dân tộc Việt Nam biết trồng lúa nước rất sớm. Trồng lúa nước thì phải định canh định cư. Định cư đồng nghĩa “sống với hàng xóm láng giềng”, trên nền tảng của gia đình phân công hợp tình hợp lý: chồng cày vợ cấy con trâu đi bừa.

Sinh ra, lớn lên, trưởng thành trong nền văn hóa trồng lúa nước ổn định lâu đời, sống tương nhượng quần cư hài hòa trong làng xóm với gia đình phân công hợp lý **mà không biết tình cha con, không biết đạo vợ chồng sao?**

**T2:** Xin phép ngắt lời anh T4. tôi đề nghị không nên tiếp tục thảo luận vấn đề này mất thời giờ vô ích.

Tại sao chúng ta không tin tưởng Tổ Tiên mình? Tại sao chúng ta không tin những thám quật dưới ánh sáng của khoa học mà lại đi tin lời của những kẻ cướp nước mình? Đương nhiên, các ông thái thú phải coi rẽ dân bị trị dù văn minh hơn họ nhiều, đứng trên gốc độc nhân bản hiện thực.

Họ cho Hai Bà Trưng nổi lên làm loạn, làm giặc. không lẽ họ gọi Hai Bà Trưng, Bà Triệu Thị Trinh, ông Ngô Quyền là những nhà yêu nước.

Lê Tắc là người Việt. Ông đầu hàng nhà Nguyên, đứng trên quan điểm của kẻ xâm lăng, cướp nước, ông viết trong An Nam Chí Lược (soạn xong năm 1339): đến năm Kiến Võ thứ 19 (43) Mã Viện chém “yêu tặc” là Trưng Nhị.

Nông nghiệp là khởi đầu của văn minh nhân loại. Học sinh lớp 9, lớp 10 ở Mỹ đều biết ở đâu có nông nghiệp phát triển phong phú, ở đó có văn minh.

Những người Việt không đọc lại lịch sử Việt Nam dưới ánh sáng của khoa học thì giải thích cũng vô ích. Giống như ngày xưa Giáo Hội La Mã cho rằng trái đất là một mặt phẳng. ai nói trái đất không phẳng, hình cầu và tự quay là trọng tội.

Làm thế nào giải thích cho những người tự bịt tai, bịt mắt với tâm cảnh *gà què ăn quẩn cối xay hay kiến bò miệng chén* hiểu được dù đó là sự thật.

**T10:** Anh T2 nào cũng cực đoan. Đâu phải ai cũng rảnh rỗi nhàn hạ như anh. Làm sao có thời giờ đọc lại lịch sử Việt Nam.

Mở mắt ra, chạy theo thời gian không kịp thở; đưa con đi học, đi làm suốt ngày, chiều rước con về, đôi khi còn phải “ăn cơm chi” (mua cơm, thức ăn bán ở các tiệm ăn), v.v....

Ngày nghỉ dọn dẹp nhà cửa, lau chùi bàn thờ ông bà, đi chợ mua sắm, đưa con đi học thêm, giải trí chút ít lấy lại quân bình để thứ hai “đi cày tiếp”.

Người theo đạo Phật, đạo Chúa La Mã, Tin Lành, v.v... còn bận rộn hơn nữa. họ phải đi nhà thờ, đi chùa, học giáo lý, đọc các loại sách mở rộng rự hiểu biết về lời Chúa dạy. Phật tử học đủ loại kinh, còn phải đọc sách Thiền. Cả rừng kinh, đọc suốt đời cũng không hết, học giáo lý, đọc kinh để xứng đáng con của Chúa, con của Phật. Thì giờ đâu mà tìm hiểu tại sao tổ tiên người Việt tự cho mình là con Rồng cháu Tiên.

Hơn nữa, đối với họ, họ muốn tất cả đều là con của Phật hoặc của Chúa hay Thượng Đế, v.v..., cần gì phải phân biệt, Tàu dạy ta, hay ta dạy Tàu. Ấn Độ cai trị, Pháp cai trị, hay Tàu cai trị dân Việt cũng vậy thôi, vì tất cả đều là con của Chúa hay của Phật. **Họ đâu còn cần thiết gì mình là người Việt Nam nữa.** Họ quên rằng không có một tôn giáo nào có thể thỏa mãn cho toàn thể nhân loại. Trên thực tế, “tôn giáo tổ chức đã và đang tạo thành ốc đảo trong gia đình, trong lòng dân tộc và nhân loại.

Họ cần gì biết người nông dân sống ổn định lâu đời với cái nhà, cái bếp, luống rau, ao cá, mảnh vườn, thửa ruộng, với hàng xóm làng giềng; từ đó nảy sinh tính tương nhượng quần cư hài hòa trong xóm làng, sống cùng với người và để mọi người cùng sống với mình, lấy tình nghĩa làm đầu: *một bờ cái lý, không bằng một tí cái tình*, với đạo lý dân tộc *thương người như thể thương thân*.

Họ cần gì biết tổ tiên người Việt đã dùng con trâu và lưỡi cày bằng đồng với gia đình phân công (chồng cày, vợ cấy, con trâu đi bừa) cùng với tinh thần cộng đồng và cộng tác cao (có việc thì đến hết việc thì đi) cũng như phải có ý thức trách nhiệm cao đã đưa nền nông nghiệp trồng lúa nước phát triển phong phú **trước khi người Hán xâm lăng nước Âu Lạc.**

Họ cần gì biết bốn ngàn năm lịch sử dựng nước với nền văn minh lúa nước (văn minh nhân bản) con người luôn luôn thích nghi với môi trường sống, đồng thời đấu tranh liên tục với giặc ngoại xâm đã tạo cho dân tộc một cơ cấu xã hội khá đặc biệt.

Cơ cấu ấy lấy gia đình phân công làm đơn vị tâm lý phát triển nếp sống tình cảm và suy tư, chan chứa tình người và tình người, lấy xã thôn tự trị mang tính dân chủ làm đơn vị hành chính phát triển sinh hoạt kinh tế và chính trị với chế độ điều hợp nhân tính qua lăng kính nhân bản và nhân chủ dung hợp được bình đẳng và tự do.

Kiến trúc xã hội Việt Nam từ xưa đến nay đặt nền tảng trên gia đình và xã thôn. Cho nên là người Việt Nam, không ai là không nặng tình gia đình.

Trong nền văn hóa nông nghiệp trồng lúa nước, gia đình là một thực tại xã hội chan chứa tình người và tình người gồm nhiều cá thể quây quần sinh sống với nhau, đùm bọc thương yêu nhau. Như anh T4 đã trình bày:

**Sinh ra, lớn lên và trưởng thành trong nền văn hóa nông nghiệp trồng lúa nước ổn định lâu đời, với nếp sống tương nhượng quần cư hài hòa trong xóm làng, với gia đình phân công, thuận vợ thuận chồng tát biển Đông cũng cạn, mà không biết đạo vợ chồng, không biết tình cha con sao?**

**T7:** Ngày xưa, thời đại đồ đá, cư dân Hòa Bình, tiền thân của dân tộc Việt Nam, thuần hóa cây lúa hoang thành cây lúa trồng ở ruộng nước để tăng năng suất say nông nghiệp trồng củ.

Rồi thuần dưỡng con trâu (người Tàu gọi là con “bò nước”) để giúp nhà nông cày bừa.

Thời đại đồ đồng, ông cha ta chế ra cái cày bằng đồng. nông nghiệp trồng lúa nước phát triển phong phú hơn trước nhiều. Người Việt (Văn Lang – Âu Việt) ăn no, ăn ngon, gạo nếp dư thừa làm đủ loại bánh.

Ông cha ta đã thần thoại hóa “đời sống ấm no đó” qua chuyện bánh dày bánh chưng để lưu truyền cho con cháu.

Ngành khảo cổ đã khám phá ra rằng “trống đồng”, “rìu” và “cày” bằng đồng tìm thấy ở Việt Nam (thời văn hóa Đông Sơn) rất sớm trước Trung Hoa, Ấn Độ và cả Cận đông. (Wilhelm G.Solheim, sđd, trang 330-339).

Đó là niềm tự hào của Tổ Tiên người Việt chúng ta.

Nhưng ngày nay những phát minh độc đáo đó (trống đồng, cày bằng đồng) chỉ có giá trị trong bảo tàng viện; những thứ đó không thể giúp cho dân tộc Việt Nam “no ấm và hạnh phúc được”.

Điều quan trọng là chúng ta theo gương tổ tiên: vận dụng khả năng sáng tạo, tính thích nghi với môi trường sống và trào lưu tiên bộ của xã hội khám phá ra “một cái gì đó” để đưa dân tộc Việt Nam lên ngang tầm với thời đại về mọi lãnh vực.

**T2:** Tôi nghĩ thay vì ngồi mài miệt ca ngợi những thành quả của tổ tiên, hào quang của quá khứ, chúng ta vận dụng óc sáng tạo như tổ tiên để tìm ra những gì thích hợp, cần thiết cho đời sống thiết thực hiện tại. Những việc làm đó mới có thể đưa dân tộc mình lên ngang tầm với thời đại về khoa học kỹ thuật và tiện nghi vật chất của đời sống văn minh. Như thế, dân tộc Việt Nam mới có thể không còn bị các thế lực chính trị kinh tế quốc tế lung đoạn.

Ai cũng biết dân tộc Mỹ hình thành khoảng 400 năm. Về nông nghiệp chẳng hạn họ không thắc mắc ai thuần hóa cây lúa, ai tìm ra kỹ thuật trồng lúa trước mà chỉ nỗ lực tìm loại giống lúa tốt, thích hợp cho nước Mỹ.

Cụ thể là ông Thomas Jefferson (vị tổng thống thứ 3 của Hoa Kỳ) đã không ngần ngại dùng bất cứ phương thức nào, dù rằng bất hợp pháp như là “mang lậu” hay “ăn cắp” để mang giống lúa từ Ý Đại Lợi về trồng tại Mỹ: Thomas Jefferson đã bỏ vào 2 túi áo lúa giống của Ý, rồi sau đó gửi về Mỹ.

Ngày nay Hoa Kỳ là một trong những quốc gia sản xuất lúa gạo hàng đầu trên thế giới (Trần Đông Phong, Bước khởi đầu trong liên hệ Hoa Kỳ - Việt Nam, Thomas Jefferson và Hoàng Tử Cảnh, văn hóa Việt Nam số 40 năm 2008, trang 19).

**T11:** Chuyện rất đơn giản, tại chúng ta tự bịt mắt, bịt tai lại thôi. Tàu cướp đoạt xâm chiếm nước ta. Đương nhiên họ khinh rẽ người Việt. thật ra, các quan thái thú tàu muốn xóa bỏ luật pháp Việt, phong tục tập quán, truyền thống, lễ nghi cưới hỏi của người Việt. Áp đặt lễ nghi phép tắc cưới hỏi Trung Quốc để dân chúng phải vào hồ sơ hộ tịch địa phương khi thành hôn mới được chánh quyền thừa nhận để nhà cầm quyền nắm được tình hình an ninh, số hộ dân để dựa vào đó mà thu thuế, bắt dân đi lao động; đó là mục tiêu của chế độ đô hộ bóc lột.

Thực tế cho thấy suốt chiều dài lịch sử các quan thái thú tàu không xóa bỏ được truyền thống đặc thù của người Việt. trái lại người Tàu sống trên đất Việt đều bị thu hút vào nếp sống, tương nhượng hài hòa chan chứa tình người và tính người, “sống cùng với mọi người và để mọi người cùng sống với mình” (Trần Gia Phụng sđd, trang 55). Dần dần họ hội nhập vào xã hội Việt Nam, cộng đồng dân tộc Việt Nam nghĩa là họ bị Việt hóa.

Mã Viên đưa một số người Tàu qua sinh sống ở Việt Nam. Con cháu họ đều hội nhập vào dân tộc Việt Nam.

Sau khi nhà Minh sụp đổ năm 1644 những người Hoa không chấp nhận nhà Thanh di cư sang Việt Nam. Ngày nay họ đều hội nhập vào xã hội Việt Nam, nếu không muốn nói là họ đã bị Việt hóa.

Qua những thám quật dưới ánh sáng mới của khoa học thì người Việt trồng cây có củ (khoai các loại) và đặc biệt từ 6000 – 7000 trước đây, đã trồng lúa nước. Nền văn minh lúa nước vốn là một nền văn minh Việt cổ và đã tạo nên một thế quân bình bền vững của nền văn hóa xóm làng, giữa con người và thiên nhiên Việt Nam, trong khung cảnh Đông Nam Á từ mấy nghìn năm nay.

Khi đó, cái nước mà ngày nay người ta gọi là Trung Quốc mới được tạo dựng lên ở mạn trung lưu Hoàng Hà, và nền văn minh Trung Quốc ban đầu thì đúng là nền văn minh Hoàng Hà với ranh giới khoảng ba tỉnh bây giờ: Sơn tây (quê hương của Đê Nghiêu), Hà Nam (quê Hạ Vũ, kinh đô nhà Ân), Thiểm Tây với núi Kì, sông Vị (quê hương của nhà Chu)....

Trung Quốc tìm cách bành trướng xuống phía Đông và phía Nam, tới lưu vực Trường Giang, tới vùng văn minh lúa nước, đồng hóa những cư dân Man – Việt, đem nền văn minh lúa nước chôn lên văn minh Trung Quốc cổ truyền đã biến thành một sắc thái mới của văn minh Trung Hoa. Cái giống nhau giữa văn minh Trung Quốc và văn minh Việt Nam rồi cái có sau là hậu quả của lịch sử, một lịch sử chiến tranh đẫm máu giữa bành trướng và chống bành trướng, giữa cướp nước và giữ nước. (Trần Quốc Vượng, Văn Hóa Việt Nam, tìm tòi và suy ngẫm, NXB Văn Hóa Dân Tộc, Hà Nội 2000, trang 35-39).

“Người ta thường quên một sự kiện là từ Tần Hán trở về sau, khi Trung Quốc đã thôn tính xong lưu vực Trường Giang rồi Châu Giang ... thì nền văn hóa nông nghiệp trồng lúa nước ở phương Nam được chôn lên nền văn hóa nông nghiệp trồng khô ở Hoa Bắc và hội nhập vào văn minh Trung Quốc. Trung Quốc đã chữ nghĩa hóa (nhờ ưu thế văn tự) nhiều thành tựu văn hóa của phương Nam và nhận làm của mình. Văn hóa phương Bắc là văn hóa chữ nghĩa, văn hóa phương Nam là văn hóa truyền miệng. Qua sách vở Trung Quốc, về sau người Việt học lại nhiều điều vốn là kinh nghiệm ký ức của Tổ Tiên mình nhưng đã qua sự sửa đổi khái niệm hóa của học giả Trung Quốc (Trần Quốc Vượng, sđđ, trang 78).

**T17:** Tôi có nghe vài phát biểu của các học giả ngoại quốc liên quan đến vấn đề này, xin đọc lên để anh chị suy ngẫm. Ông Toynbee, một học giả nổi tiếng người Anh đã viết bộ sách lớn mà ông A study of History. Từ cổ chí kim có 29 nền văn minh. Nhưng khi viết xong quyển cuối thì ông sửa lại là có 32 nền văn minh; và văn minh Việt Nam nằm ngang hàng với các nền văn minh khác như Trung Hoa, Ấn Độ, La Mã, Hy Lạp, v.v....

Vào cuối thời đồ đá cũ, khoảng 8000 năm trước đây, do ảnh hưởng của biển tiến đã làm thay đổi môi trường sinh thái một cách cực kỳ nghiêm trọng đe dọa đến đời sống của cư dân sống ở vùng châu thổ Bắc Việt bây giờ nên đã có sự di cư của cô dân đó lên phía Bắc. họ đem theo những đặc trưng văn hóa đã có được, trong khi sinh sống ở bình nguyên cực kỳ tốt đẹp là vùng châu thổ Bắc phần lúc đó rộng ra đến tận đảo Hải Nam, cùng với họ lên phía Bắc. Những đặc trưng văn hóa này theo nhà sử học Joseph Needham, gồm có 25 điểm.

Trong đó có những điểm đặc biệt sau đây:

1. Văn hóa biển và sông nước
2. Tục đua thuyền
3. Nhà làng để cho dân tụ tập sinh hoạt
4. Văn minh lúa nước
5. Phép thuận hóa con trâu để cày
6. Tục thờ cúng ông bà
7. Thuật trồng cây tre và sử dụng dụng cụ bằng tre.
8. ....



Đoạn sau đây trích trong “Đạo Sống Việt”, Tủ sách Việt Thường, qua bài Tổng quan về vai trò của nền văn hóa Việt của tác giả Thường Nhượng Thủy, trang 31 - 47).

Các cuộc bành trướng về phương Nam, từ nhà Hán về sau, kéo dài suốt 2000 năm. Cuộc Nam Chinh của người Hoa, theo Charles O. Hucker, không phải là tiến vào vùng hoang dã không có dân cư, mà cũng chẳng phải là cuộc bành trướng kiểu Hoa Kỳ đoạt đất đai của đám “mọi rợ”. Khi một nền văn minh có bản sắc rõ rệt của trung Hoa lần đầu tiên xuất hiện tại bình nguyên Bắc Trung Quốc thì vùng đất miền Nam đã có những sắc dân cư ngụ tại đó và họ đã có một trình độ phát triển văn hóa không kém người Hoa là bao. Như vậy, cuộc bành trướng về phương Nam của người Trung Hoa đã làm phong phú họa cuộc sống cho người Hoa nguyên thủy và nền văn hóa của họ”. Hucker cũng lưu ý: “không phải tất cả các dân bản địa phương Nam đều chịu phục tùng hoặc bị đồng hóa. Những dân tộc chống đối mạnh mẽ nhất đã di tản trước đà tiến của văn minh Trung Hoa và kiên định phát triển một nền văn minh riêng của họ như dân tộc Việt và Thái”. (Charles O.Hucker China’s Imperial past. Standford University Press 1925, trang 111 – Thường Nhượng Thủy, Đạo Sống Việt, Tủ Sách Việt Thường, trang 33).

Sự đóng góp lớn lao của phương Nam vào nền văn minh trung Quốc là một điều hiển nhiên bất khả tư nghi. Thế nhưng, não trạng du mục độc tôn, độc hữu của các nhà cầm quyền Trung Quốc từ cổ đại cho đến ngày nay vẫn không chịu thừa nhận.

Theo Edward H.Schaffer: “thật chẳng khó khăn gì cho người Hoa khi thừa nhận tất cả những võ khí và giáp trụ tốt nhất của họ hoặc những vật liệu mà họ có được là do sự tước đoạt từ những dân tộc thiếu văn hóa ngoại bang. Thế nhưng thật khó khăn để họ chấp nhận hoặc ngay cả ý thức được rằng họ đã vay mượn tư tưởng từ ngoại nhân; ấy vậy mà thực tế đã là như thế đó”.

Vô số những phần thuộc về tâm linh hay sáng tạo trong nền văn minh Trung Hoa, vô số những điều mà ngày nay ta nghĩ là đặc trưng Trung Quốc đã bắt nguồn từ người cổ Thái ở miền Nam, người cổ Tạng ở phía Tây và người cổ Mông ở phía Bắc. (Thường Nhượng Thủy, sđd, trang 33- Charles O.Hucker, sđd, trang 14).

Theo Edward H.Schaffer thì “thuật trồng lúa gạo và thuần hóa gia súc chắc chắn Trung Hoa đã tiếp thu từ các sắc dân tầm thường ở miền Nam xa xôi hẻo lánh. (Ancient china New York: Time – life Books, 1967, trang 16 – Trần Gia Phụng Việt Sử Đại Cương, tập I, trang 79).

Làng (chạ) là đơn vị hành chính cơ sở của nước ta từ thời vua Hùng (1).

Suốt thời gian bị Bắc thuộc, làng xã vẫn là bầu trời riêng của người Việt. Thủ lãnh Việt hùng cứ ở lương thôn (2).

Theo nhà Việt học Paul Mus: làng xã đã là các yếu tố cấu thành quốc gia Việt Nam và chỉ qua chúng, trong lúc lâm nguy, ta mới có thể hiểu được đất nước và tinh thần dân tộc của họ (3).

Thực vậy, sự thành công trong suốt chiều dài lịch sử của Việt Nam là nhờ sự gắn bó keo sơn và dũng cảm của các định chế (làng xã) này (4). Sở dĩ được vậy là vì “...trên chính nền tảng của xã hội Việt Nam, trong suốt dòng lịch sử, đồng lúa đã cung cấp cho xã hội Việt một lễ sống. Đồng lúa đã cung cấp nền tảng cho một cấu trúc xã hội bền vững, một kỷ luật tự giác trong vấn đề lao

tác và một nhịp điệu cho các lễ hội cộng đồng. Tóm lại, đó là giao ước giữa xã hội tự thân, đất đai và trời”. Bởi vậy mà “...sự hài hòa giữa người Việt và các điều kiện của hoàn cảnh sống đã đậm sâu đến độ không một chủng tộc nào chặn được bước tiến của họ, cũng như chẳng một lực nào bẫy được họ ra khỏi đất đai của họ. khi cần chống ngoại xâm thì “...làng mạc Việt Nam, với tất cả dáng vẻ quê mùa của nó, đã trở nên một thánh địa bất khả xâm phạm của đất nước vì các làng mạc ở rải rác khắp nơi chứ không tập trung tại một địa điểm khiến địch quân có thể chiếm giữ như thủ đô, lật đổ một triều đại hay khuất phục một vương triều (5).

Mỗi làng thường có một lực lượng tuần định giữ an ninh cho dân làng. Khi đất nước bị xâm lăng, tuần đinh được chuyển thành dân binh để làm nhiệm vụ giữ làng, giữ nước.

Trong lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc Việt Nam, dân binh và làng chiến đấu đã giữ một vai trò chiến lược quan trọng. danh từ dân binh đã xuất hiện trong cuộc kháng chiến chống Nguyễn Mông đời nhà Trần (6).

Làng mạc còn là nơi ẩn náu hữu hiệu khi kẻ địch nói một ngôn ngữ khác, hay đặc biệt hơn, khi có màu da khác (7).

Tôi nghĩ đứng trên góc độ nhân bản và hiện thực, với đầu óc minh mẫn một chút thôi thì cũng thấy được văn minh sông Hồng gốc nông nghiệp lúa nước chan chứa tình người và tính người hơn hẳn văn minh Hoàng Hà gốc du mục với nông nghiệp trồng khô. Điều đó giải thích “tính hiếu chiến” với chủ nghĩa bành trướng bá quyền của giới lãnh đạo phương Bắc suốt chiều dài lịch sử hình thành đất nước Trung Quốc.

**T15:** Trước hiện tình của đất nước cũng như thế giới đầy mâu thuẫn thống nhất tri thức và tâm thức là điều kiện cần và đủ để xây dựng nền văn minh nhân bản, lấy con người làm gốc cho mọi hoạt động vật chất và tinh thần.

Như vậy, để hóa giải bế tắc tư tưởng, khủng hoảng tâm thức và mâu thuẫn khốc liệt của thời đại về chính trị, kinh tế, ý thức hệ, tôn giáo ... không thể ngồi thảo luận những vấn đề thuộc quá khứ dài dài như thế này.

Trong đạo lý cho thiên kỷ mới, đức Đạt Lai Lạt Ma đã phát biểu: tôi quan tâm đến việc cố gắng tìm ra một con đường phục vụ toàn nhân loại mà không cần kêu cầu đến tín ngưỡng (Ethics for the new Millennium, Linh thủy Chuyên Ngữ trang 35).

Cho nên, cần phải có một cuộc cách mạng, chắc chắn là thế. Nhưng không phải cách mạng chính trị, kinh tế hoặc ngay cả kỹ thuật; chúng ta đã có quá đủ kinh nghiệm của các thứ trên trong thế kỷ qua để hiểu biết rằng một khuynh hướng ngoại diện không thể nào đầy đủ. Điều tôi muốn đề xướng là cuộc cách mạng tâm linh (Đức Đạt Lai Lạt Ma, sđd, trang 31).

Cho nên để xây dựng “an vui hạnh phúc” hòa thuận cho gia đình, hài hòa với mọi người và đóng góp phần mình trong công cuộc xây dựng nền văn minh nhân bản, việc thực tế và cấp thiết nhất là **tự ý thức thực hiện cuộc chuyển hóa tâm thức**. Mà khởi đầu là trở về với chính mình.

Ông cha ta đã dạy:

*Trăm hay xoay vào lòng  
Ngọn đèn được tỏ trước khêu bởi mình*

Trăm hay xoay vào lòng nghĩa là trở về với chính mình để tự biết mình, qua nếp sống tỉnh thức. Năng lực tỉnh thức giúp chúng ta thay đổi cái nhìn, vượt thoát tâm cảnh gà què ăn quần cối xay, kiến bò miệng chén. Đó là điều kiện thuận lợi thống nhất tri thức và tâm thức, qua quá trình giáo dục nhân bản tâm linh: học ăn, học nói, học gói, học mở theo chiều kích tâm linh phát triển tình thương và trí tuệ với định hướng tâm học: biến – hóa – thăng hoa, hòa cùng vũ trụ, sẵn sàng hội nhập vào đời sống sinh động của con người chan chứa tính người và tình người, tạo điều kiện thuận lợi xây dựng nền văn minh nhân bản với chế độ chính trị điều hợp nhân tính qua lăng kính nhân chủ, dung hợp được tự do dân chủ đích thực với đạo lý: “*Thương người như thể thương thân*”.

Chuyển hóa tâm thức là con đường duy nhất giải quyết tận gốc những vấn nạn của con người: đối với cá nhân, dân tộc và nhân loại.

Nếu mình không tự ý thức xoay vào lòng, thực hiện cuộc chuyển hóa tâm thức thì không có ông thánh ông thần nào hoặc đoàn thể nào hay tổ chức tôn giáo nào có thể làm thay mình được (xem thêm chi tiết bài trăm hay xoay vào lòng trên website: [www.tusachvietthuong.org](http://www.tusachvietthuong.org)) Điều cần thiết là trao đổi kinh nghiệm trong việc thực hiện “việc xoay vào lòng” qua nếp sống tỉnh thức trong đời sống hàng ngày. Điều đó thiết thực hơn là ngôi ca ngợi mãi hào quang của Tô Tiên trong quá khứ.

Nên nhớ rằng “xoay vào lòng”, “chuyển hóa tâm thức”, hài hòa và **tình thương** là sống, sống thực chứ không phải là nói suông, thuyết giảng, mỗ sè về tình thương, xoay vào lòng, chuyển hóa tâm thức ....

Hài hòa, tình thương, trí tuệ, thượng tôn luật pháp, là điều kiện cần và đủ để xây dựng nên văn minh nhân bản. Những yếu tính đó không thể tìm ở bên ngoài và không ai có thể trao truyền cho mình được.

1. Vũ Kim Biên – Văn Hiến Làng Xã Vùng Đất Tổ Hùng Vương – Trung Tâm UNESCO, Hà Nội, 1999, trang 57
2. Ngụy Trung, Tùy Thư Thực Hóa Chí, Mã Đoan Lâm – Văn Hiến Thông Khảo (dẫn theo lịch sử Việt Nam 1, NXB KHXH Hà Nội, 1971, trang 59)
3. John T. Mc Alister, Jr/Paul Mus – Vietnamese and their Revolution – Harper & Row Publisher, N.Y. 1970, trang 52
4. Sách dẫn trên.
5. Sách dẫn trên, trang 46, 47, 50
6. Phan Huy Lê – Tìm về cội nguồn tập I, NXB thế giới Hà Nội, 1999, trang 574
7. John T. Mc Alister, Jr/Paul Mus – sách dẫn trên, trang 47,48,49,50,51

*Tủ Sách Việt Thường*  
[www.tusachvietthuong.org](http://www.tusachvietthuong.org)